

Bản án số: 133/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16- 12 - 2022
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Thu Trang

Ông Lê Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 74/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thụy Thanh T, sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 231D/26A đường B, phường 1, quận 8, thành phố H.

- Bị đơn: Mai Hữu L, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2022, bản tự khai đề ngày 05/8/2022, nguyên đơn chị Trần Thụy Thanh T trình bày:

Chị và anh Mai Hữu L kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, quận 8, thành phố H. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và cả hai không thể chung sống, vợ chồng ly thân không hàn gắn được tình cảm. Quá trình chung sống chị và anh L có với nhau 02 con chung Mai Trần Hữu T, sinh ngày: 29/8/2012 và Mai Trần Hữu P, sinh ngày: 24/3/2015 hiện nay 02 con chung chị đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Trần Thụy Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Mai Hữu L.
- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.
- Tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thụy Thanh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt (Hòa giải, xét xử) đề ngày 05/8/2022.

* Bị đơn anh Mai Hữu L các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đều vắng mặt nên không có lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, giải quyết đúng thẩm quyền, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn trong vụ án có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp, đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thụy Thanh T. Về con chung: Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung phù hợp nguyện vọng con chung trên 07 tuổi, ghi nhận chị T nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thụy Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 05/8/2022. Anh Mai Hữu L đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập họp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh L đều vắng mặt. Anh L vẫn còn sinh sống tại địa phương, 02 lần giao các văn bản tố tụng và mời hòa giải (Tổng đạt hợp lệ) anh L đều không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh L là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thụy Thanh T và anh Mai Hữu L kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, quận 8, thành phố H, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và cả hai không thể chung sống, vợ chồng ly thân, mỗi người sống riêng, không hàn gắn được tình cảm đến nay. Chị T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh L. Anh L không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh L là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Chị Trần Thụy Thanh T khai vợ chồng chị chung sống có với nhau 02 người con chung là Mai Trần Hữu T, sinh ngày: 29/8/2012 và Mai Trần Hữu Pt, sinh ngày: 24/3/2015. Hiện nay, chị T đang nuôi dưỡng 02 cháu. Đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 05/8/2022 chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T anh L chung sống có với nhau 02 con chung. Chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu, theo nguyện vọng của 02 cháu đều muốn sống với mẹ. Để tránh sự thay đổi về người nuôi con, môi trường sinh sống, điều kiện, tâm lý và nguyện vọng của đứa trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được nuôi dưỡng 02 con chung, phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung, phù hợp quy định pháp luật theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận chị T nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu anh Lộc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung, nợ chung:

Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Thụy Thanh T phải chịu theo luật định là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 233, 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thụy Thanh T.
2. Chị Trần Thụy Thanh T được ly hôn với anh Mai Hữu L.
3. Về con chung: Chị Trần Thụy Thanh T được nuôi dưỡng 02 con chung Mai Trần Hữu T, sinh ngày: 29/8/2012 và Mai Trần Hữu P, sinh ngày: 24/3/2015. Ghi nhận chị Trần Thụy Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian 02 con chung của chị T và anh L chưa thành niên (Chưa đủ 18 tuổi), anh chị có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung

có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thụy Thanh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thụy Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008679 ngày 16/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Trần Thụy Thanh T và anh Mai Hữu L có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- UBND phường 1, quận 8, Thành phố H
(Số 168, quyền số 01/2012)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương